TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu *tham gia phiên tòa*:

Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thân Văn N, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: 165, tổ 4, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Ngọc Kiều T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: tổ 4, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: tổ 9A, KP8, TT. V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thân Văn N trình bày:

Anh và chị Đỗ Ngọc Kiều T đã chung sống với nhau từ năm 2008 có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã V, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 02 ngày 02/01/2008. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh bị đi tù và chị ở nhà bỏ đi, sau khi anh trở về có đi tìm chị T và đề nghị chị quay trở về đoàn tụ gia đình, để cùng nuôi dạy các con rất nhiều lần nhưng chị T không chịu về. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung, tên các cháu là Thân Đỗ Hạo L, sinh ngày 27/11/2008 và Thân Đỗ Trà M, sinh ngày 20/12/2010, sau khi ly hôn anh xin được nuôi

dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nay chị T đề nghị xin được nuôi dưỡng 02 con chung, anh đồng ý giao 02 cho chung cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000/tháng/cháu tổng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Ngọc Kiều T trình bày:

Chị và anh Thân Văn N chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng đến năm 2008 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, anh chị chung sống đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đặc biệt vào năm 2011 anh N bị đi tù và chị mang con về nhà cha, mẹ đẻ sinh sống đến nay, sau khi chấp hành án xong, anh N không lo làm ăn, chỉ lo chơi bời, mỗi năm anh N chỉ đến thăm con được khoảng 1 đến 2 lần, anh không quan tâm đến vợ con. Anh, chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Từ khi ly thân cả hai bên không quan tâm gì đến nhau, nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh N. Vì chị theo đạo thiên chúa nên không thể đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung, tên các cháu là Thân Đỗ Hạo L, sinh ngày 27/11/2008 và Thân Đỗ Trà M, sinh ngày 20/12/2010, sau khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 19/3/2018 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung: Anh Thân Văn N và chị Đỗ Ngọc Kiều T có đăng ký kết hôn với nhau, tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2008, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 02 ngày 02/01/2008, nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp.

1). Yêu cầu của anh N xin được ly hôn với chị T. Vì anh N cho rằng cuộc sống của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đã bỏ đi nhiều năm nay. Anh, chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị T không đồng ý ly hôn vì chị theo đạo thiên chúa, nhưng

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2). Về nuôi con chung: Các bên thống nhất giao 02 con chung là cháu Thân Đỗ Hạo L, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Thân Đỗ Trà M, sinh ngày 20/12/2010 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đây là sự thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu, được anh N đồng ý theo yêu cầu của chị T, nên được ghi nhận.

3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại hồ sơ có đơn xin phản tố của chị T đề ngày 21/3/2018, nhưng có nội dung tố cáo anh N, sau khi nhận được đơn nêu trên ngày 28/3/2018 Tòa án ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố, nhưng chị T không sửa đổi theo yêu cầu của Tòa án, ngày 07/5/2018 Tòa án ra thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố cho chị T, chị T không khiếu nại và không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xét.

5). Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về tố tụng: Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các điều 28; 35; 39; 147; 228; 269; 271; 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1). Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Thân Văn N và chị Đỗ Ngọc Kiều T.

2). Về nuôi con chung: Giao cháu Thân Đỗ Hạo L, sinh ngày 27/11/2008 và cháu Thân Đỗ Trà M sinh ngay 20/12/2010 cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu. thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2018

Sau khi ly hôn, anh N không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở anh N thực kiên quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

3]. Về án phí: Anh Thân Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 000877 ngày 25/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại anh N phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Trung Chiến